

Bản án số: 48/2024/DSPT

Ngày: 15/4/2024

V/v: “Kiện đòi QSD đất NN, chia thừa
kế quyền SD đất NN”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Ngọc Sơn.

Ông Đỗ Thế Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 60/2023/TLPT- DS ngày 01/12/2023 về “kiện đòi quyền sử dụng đất nông nghiệp, chia thừa kế quyền sử dụng đất nông nghiệp”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2023/DS-ST ngày 26/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 67/2024/QĐ-PT ngày 01/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1957 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 507, xóm Tr, khu phố Đ, phường Ch, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố Ng, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Thanh Bình – Luật sư văn phòng Luật sư Bình Minh - Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Phan Thị B, sinh năm 1955 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 616, xóm 6, khu phố Đ, phường Ch, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh.

2. Chị Lưu Thị H, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Xóm 5, khu phố Đ, phường Ch, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 216 Nguyễn C, khu H, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện Gi, thành phố Hà Nội.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, khu 1, phường L, thị xã Ph, tỉnh Bình Phước.

3. Bà Trần Thị Th(Trần Thị Á), sinh năm 1964 (Vắng mặt).

4. Anh Lưu Quang S, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

5. Anh Lưu Quang V, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: khu phố Đ, phường Ch, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh.

6. Ông Lưu Quang H, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

7. Bà Trần Thị H, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

8. Ông Trần Đức H, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: khu phố Đ, phường Ch, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh.

9. Ủy ban nhân dân phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh Tuấn- chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế Chinh- chức vụ: Phó chủ tịch (Vắng mặt).

10. Ủy ban nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Bá Huy- chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Huy Cương- chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên môi trường thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt).

11. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Từ Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn An Huệ- chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt).

Do có kháng cáo của bị đơn là bà Phạm Thị B, chị Lưu Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì có nội dung vụ án như sau:

Mẹ đẻ bà là cụ Đỗ Thị Ba kết hôn với cụ Trần Văn Hai sinh được 1 người con là ông Trần Văn Nội. Cụ Hai chết năm 1949, cụ Ba không kết hôn sinh được 1 người con là ông Lưu Quang Bình, năm 1954. Năm 1956, cụ Ba kết hôn với cụ Nguyễn Văn Kha sinh được 3 người con gồm: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1957; Nguyễn Thị X, sinh năm 1960 và Nguyễn Thị H, sinh năm 1963.

Cụ Kha chết năm nào không rõ nhưng chỉ biết chết trước cụ Ba.

Ông Nội kết hôn với bà Đỗ Thị Lạc sinh năm 1940 ở Xóm Cầu 2, khu phố Đa Hội, Châu Khê, thành phố Từ Sơn, có 5 người con gồm Trần Thị Tiến, sinh năm 1971; Trần Văn Sỹ, sinh năm 1973; Trần Thị Đường, sinh năm 1978; Trần Văn Thành, sinh năm 1980 và Trần Văn Thắng, sinh năm 1983. Hiện đang sinh sống ở khu phố Đa Hội, Châu Khê, Từ Sơn, Bắc Ninh. Ông Nội chết ngày 12/01/2022.

Ông B kết hôn với Bà Phan Thị B sinh được 2 người con là Lưu Quang H, sinh năm 1975 và Lưu Thị H, sinh năm 1982. Ngoài ra, Ông B còn có 2 người con với bà Trần Thị Th(tên gọi khác là Ánh) là Lưu Quang S, sinh năm 1990 và Lưu Quang V, sinh năm 1993. Ông B chết ngày 19/5/2016.

Cụ Ba chết ngày 24/11/2005.

Ngày 19/5/2005 cụ Ba có viết giấy nhượng quyền sử dụng thửa đất số 296, tờ bản đồ số 17, diện tích 374,7m² ở xóm Trại 6, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (viết tắt thửa 296) đứng tên cụ Ba cho Ông B. Tiếp đến ngày 07/11/2005 cụ Ba tiếp tục viết giấy để khẳng định việc nhượng quyền sử dụng đất cho Ông B. Ông B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCN) mang tên Ông B. Năm 2017, bà Th khởi kiện chia thừa kế, Bản án sơ thẩm và phúc thẩm xử đã công nhận thửa đất này là của Ông B.

Cùng thời điểm này, ngày 07/10/2005 cụ Ba có viết giấy ủy quyền cho bà Th được sở hữu toàn phần 06 thước ruộng rau xanh ở khu Đồng Giếng và 24 thước ruộng ở khu Cầu Doãn, có người làm chứng là bà Nguyễn Thị X và ông Trần Văn Nội. Khi đó có cả mặt Ông B nhưng Ông B không ký. Không có mặt anh Trần Đức H (chồng chị H), không có mặt bà Trần Thị Ánh (vợ hai Ông B).

Tiêu chuẩn cấp đất năm 1987, mỗi lao động được chia 1 sào ruộng và mỗi khẩu không phải lao động chính được 5 thước ruộng, suất chăn trâu cày được 11 thước. Gia đình bà có cụ Ba, bà Th, bà Hoa. Nhà Ông B có Ông B, bà B và 2 con là Hương, Hùng. Tổng số ruộng đất của gia đình bà tại thời điểm được chia ruộng là 6 sào, 8 thước (diện tích 2.352m²) gồm:

Cánh đồng Lụa: Thửa số 401, ô số 2, diện tích 285m²(viết tắt thửa 401);

Cánh đồng Cầu Doãn: Thửa số 121, diện tích 677m²(viết tắt thửa 121);

Dưới Đồng: Thửa số 328, ô số 4, diện tích 990m²(viết tắt thửa 328);

Cánh đồng Lụa ngoài: Thửa số 51, diện tích 485m²(viết tắt thửa 51).

Sau khi được chia ruộng bà và cụ Ba quản lý, sử dụng thửa đất số 121. Gia đình Ông B quản lý toàn bộ các thửa còn lại.

Bà kết hôn với ông Dương Văn Hữu ở Đồng Kỵ năm 1980 nhưng không ký đăng ký kết hôn và không chuyển khẩu về Đồng Kỵ. Năm 1982 bà Th về Đa Hội sinh sống cùng cụ Ba, không liên quan đến ông Hữu. Ông Hữu chết năm 2003. Hộ khẩu của bà vẫn ở Châu Khê, ở cùng trong sổ của cụ Ba. Vì vậy, khi chia ruộng đất nông nghiệp tiêu chuẩn của bà Th cùng với cụ Ba.

Năm 2000, bà Th làm thủ tục tách sổ hộ khẩu riêng nhưng chưa làm thủ tục tách phần tiêu chuẩn ruộng của bà Th ra khỏi cụ Ba và Ông B. Gia đình Ông B đã làm thủ tục cấp GCN toàn bộ phần diện tích đất nông nghiệp của bà Th và cụ Ba.

Thửa ruộng nông nghiệp số 121 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Ngô Thị B sinh năm 1957. Đó chính là Bà Phan Thị B sinh năm 1955. Thửa số 121 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa số 371, tờ bản đồ số 7, diện tích 647m² (viết tắt thửa 371).

Tiêu chuẩn cấp đất rau xanh mỗi người được 2 thước đôi với những người sinh năm 1960, cụ thể gia đình bà có 5 người gồm cụ Ba, bà X, bà Th, Ông B, bà B được tổng là 10 thước rau xanh, chia làm 2 vùng gồm vùng 1 là 6 thước ở Đồng Giếng của bà Th, cụ Ba và bà X. Còn Ông B, bà B được chia 4 thước ở vùng 3, Đồng Vân. Ông B, bà B vẫn quản lý sử dụng phần đất rau xanh ở vùng 3 Đồng Vân. Còn bà quản lý sử dụng ruộng ở Đồng Giếng. Phần diện tích đất này không được cấp GCN. Năm 2014, bà Th dọn cỏ trồng rau thì bị bố con Ông B đánh. Năm 2015, gia đình Ông B xây dựng công trình trên phần đất này. Bà đã làm đơn yêu cầu UBND phường giải quyết nhưng không có kết quả.

Vì vậy, bà làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc Bà Phan Thị B phải trả lại cho bà thửa đất nông nghiệp theo GCN cấp cho hộ bà B là thửa số 371 (nay là thửa số 121, tờ bản đồ số 06, diện tích 677,4m²) ở xứ đồng Cầu Doãn, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Buộc chị Lưu Thị H phải trả lại cho bà 04 thước ruộng rau xanh 5%, ở Đồng Giếng Vùng 1, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (viết tắt là đất ở Đồng Giếng), (nay là 1 phần của thửa số 249, tờ bản đồ số 05, diện tích 330,2m²). Phần diện tích đất của cụ Ba cho bà tiếp giáp gần với 2 thước bà đang sử dụng. Phần diện tích đất còn lại là tiêu chuẩn của bà X. Bà H phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên phần diện tích đất này.

Bà đã được Tòa án thông báo kết quả giám định chữ ký của ông Trần Văn Nội tại Giấy chuyển nhượng ruộng đất ngày 07/10/2005. Bà khẳng định ông Nội có mặt tại đó khi cụ Ba ký và đứng chữ ký của ông Nội. Sự việc này còn có mặt bà Nguyễn Thị X chứng kiến và ký tên. Ngoài ra, còn có mặt bà Đỗ Thị Lạc (vợ ông Nội), ông Lưu Quang Bình nhưng bà Lạc, Ông B không ký tên. Ông Nội chỉ ký tên

với tư cách người làm chứng nên không ảnh hưởng đến nội dung cụ Ba tặng cho bà Th đất. Những nội dung cụ Ba tặng cho bà Th đất theo giấy chuyển nhượng ruộng đất ngày 07/10/2005 đã được các anh chị em thừa nhận khi giải quyết vụ án tranh chấp chia thừa kế giữa bà Th và Ông B.

Bà đề nghị Tòa án hủy GCN đã cấp cho hộ bà Ngô Thị B (tức Phan Thị B). Sau khi Tòa án công bố quyết định thu hồi đất để làm đường của UBD thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, bà hoàn toàn nhất trí với chủ trương này của nhà nước, không yêu cầu hủy GCN nữa và đồng ý nhận tiền bồi thường theo quyết định thu hồi đất.

Bà Lạc, các con của ông Nội với bà Lạc gồm chị Trần Thị Tiến, anh Trần Văn Sỹ, chị Trần Thị Đường, anh Trần Văn Thành và anh Trần Văn Thắng xác định không liên quan đến việc giải quyết vụ án và từ chối tham gia tố tụng, bà cũng đồng ý với ý kiến này và đề nghị Tòa án chấp nhận.

Tại biên bản lấy lời khai và các lời khai tại Tòa án, bị đơn là Bà Phan Thị B, chị Lưu Thị H do người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Mạnh Tùng trình bày: Bà B, chị H thống nhất với lời trình bày của bà Th về việc cụ Ba kết hôn và có những người con như bà Th khai là đúng. Cụ Ba chết ngày 24/11/2005. Khi còn sống, ngày 19/5/2005 cụ Ba có viết giấy nhượng quyền sử dụng thửa đất số 296 đứng tên cụ Ba cho Ông B. Tiếp đến ngày 07/11/2005 cụ Ba tiếp tục viết giấy để khẳng định việc nhượng quyền sử dụng đất cho Ông B. Ông B đã được cấp GCN mang tên Ông B. Năm 2017, bà Th khởi kiện chia thừa kế, Bản án sơ thẩm và phúc thẩm xử đã công nhận thửa đất này là của Ông B.

Đối với giấy ủy quyền ngày 07/10/2005 cụ Ba có viết giấy ủy quyền cho bà Th được sở hữu toàn phần 06 thước ruộng rau xanh ở khu Đồng Giếng và 24 thước ruộng ở khu Cầu Doãn, có người làm chứng là bà Nguyễn Thị X và ông Trần Văn Nội, bà B, chị H không đồng ý với giấy này vì bà Th gian dối tự viết giấy và giả mạo chữ ký của ông Nội. Bà B, chị H đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký của ông Nội trong giấy ủy quyền cho bà Th ngày 07/10/2005. Vì chữ ký của ông Nội không giống với chữ ký ông Nội ký tại biên bản hòa giải ngày 29/11/2014 tại UBND phường Châu Khê. Bà B, chị H tự chịu mọi chi phí giám định mà Tòa án yêu cầu. Bà B, chị H đã được thông báo kết quả giám định, đồng ý với kết luận giám định.

Ngày 07/10/2005 có 2 người làm chứng là chị Trần Thị Ánh (là vợ hai của Ông B) và anh Trần Đức H (là chồng chị H) nhìn thấy bà Th tóm tay cụ Ba bôi mực vào tay cụ Ba và dìm ngón tay cụ Ba vào giấy ủy quyền ngày 7/10/2005.

Bà B, chị H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th. Vì thửa ruộng nông nghiệp số 121 đã được cấp GCN mang tên hộ bà Ngô Thị B sinh năm 1957. Bà B khẳng định đây là tên của bà vì bà sử dụng 2 họ tên và năm sinh khác nhau. Thửa số 121 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa số 371. Hiện tại thửa đất đã bị thu hồi và thông báo nhận tiền đền bù, bà B, chị H đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tiêu chuẩn cấp đất rau xanh là mỗi người được 2 thước đối với những người sinh năm 1960, cụ thể gia đình bà B có 5 người gồm cụ Ba, bà X, bà Th, Ông B, bà B được tổng là 10 thước rau xanh, chia làm 2 vùng gồm vùng 1 là 6 thước ở Đồng Giếng, vùng 3 là 4 thước ở Đồng Vân. Thửa đất rau xanh 6 thước khoảng 144m² ở Đồng Giếng là do HTX chia cho chồng bà là Lưu Quang Bình, bà là Phan Thị B và bà Nguyễn Thị Th mỗi người 2 thước. Bà Th đã lấy lại 2 thước và cho chị Thìn Dũng thuê. Bà Th vẫn đang thu tiền thuê của chị Thìn Dũng. Còn 4 thước rau xanh của Ông B, bà B do cây lúa năng suất thấp nên vợ chồng bà cho con gái là Lưu Thị H chăn nuôi lợn gà. Gia đình bà có xây dựng công trình trên phần đất là này do anh Hùng xây dựng, đã có thông báo của UBND phường về việc tháo dỡ. Hiện tại chị H đang sử dụng để chăn nuôi.

Tiêu chuẩn để cấp đất nông nghiệp, mỗi người được chia 1 sào. Gia đình bà gồm có cụ Ba, Ông B, bà B, bà Hoa, chị H, anh Hùng được chia đất tổng là 6 sào. Gia đình bà nuôi 1 con trâu nên HTX chia thêm 1 sào, tổng là 7 sào. Phần diện tích đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà B. Chị H có nguyện vọng tiếp tục sử dụng diện tích đất 2 thước rau xanh và trích trả cho bà Th 200.000.000 đồng.

Về việc từ chối tham gia tố tụng của bà Lạc và các con của bà Lạc với ông Nội, bà B, chị H cũng đồng ý và xác định những người này không liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị X: Từ trước đến nay, bà đã ủy quyền cho bà Th tham gia giải quyết việc kiện, nay tự bà đến Tòa án làm việc để giải quyết vụ án. Đối với 6 thước ruộng rau xanh được chia ở khu Đồng Giếng là của cụ Ba, bà Th và bà. Bà Th đã nhận 2 thước rau xanh, phần còn lại có phần của bà, bà sử dụng không cho ai. Bà đã được Tòa án cho xem giấy ủy quyền ngày 07/10/2005 của cụ Ba, trong đó có chữ ký của bà Nguyễn Thị X là người làm chứng, bà khẳng định đó đúng là chữ ký của bà. Thời gian đã lâu nên bà không nhớ khi cụ Ba ký giấy ủy quyền cho bà Th những ai có mặt tại đó. Phần diện tích đất nông nghiệp ở Cầu Doãn, đã bị thu hồi, số tiền này đề nghị chia đều cho những người được hưởng thừa kế của cụ Ba.

Về việc từ chối tham gia tố tụng của bà Lạc và các con của bà Lạc với ông Nội, bà X cũng đồng ý và xác định những người này không liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Giấy ủy quyền của cụ Đỗ Thị Ba cho bà Th là giấy ủy quyền giả tạo. Trong khi cụ Ba đang ốm và hôn mê bà Th đã viết sẵn giấy ủy quyền mang vào đưa tay ép cụ Ba điểm chỉ vào tờ giấy ủy quyền, không được sự đồng ý của ông Lưu Quang Bình, Bà Phan Thị B và các con cháu. Trong lúc bà Th ép cụ Ba điểm chỉ vào tờ giấy ủy quyền có sự chứng kiến của bà Trần Thị Ánh và ông Trần Đức H. Bà đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn xem xét về giấy ủy quyền không hợp pháp và là giấy ủy quyền giả tạo, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh bác bỏ đơn ủy quyền của cụ Ba cho bà Th. Về phần đất nông nghiệp và đất phần trăm theo nhuơn của bà Th mà Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn thụ lý là thửa đất nông nghiệp số 121 là hoàn toàn sai. Chỉ có 01 sào, 08 thước tức là 1 sào là 360m² và 8 thước. Còn ruộng đất phần trăm mỗi người được tiêu chuẩn 02 thước, ông Lưu Quang Bình và bà B đã trả bà Th 02 thước rồi. Hiện bà Th cho Dũng Thìn thuê. Bà Nguyễn Thị X cũng làm đơn gửi UBND phường Châu Khê cho bà B 02 thước rau xanh để chôn cất cụ Ba. Còn bà Th không liên quan gì đến bà B nữa.

Ngày 20/10/1981 bà được nhà nước chia cho ruộng tại Cầu Doãn, vì bà sinh sống cùng gia đình nên bà được chia ruộng trong hộ gia đình. Năm 1982 bà đi lấy chồng, trước khi lấy chồng bà để lại ruộng Cầu Doãn cho bà B quản lý. Năm 2003 bà chuyển đi nơi khác sinh sống. Từ trước đến nay bà chưa nộp thuế ruộng vì bà giao toàn bộ ruộng Cầu Doãn cho bà B nên bà B có trách nhiệm nộp thuế. Bà yêu cầu bà Th trả cho cho bà ruộng ở Cầu Doãn. Bà sẽ giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ sau. Do bà Th đi chấp hành án hình sự vì phạm tội buôn lậu. Bà không có bản án nhưng thực tế rất nhiều người biết việc bà Th đi chấp hành án hình sự nên bà Th không được chia ruộng.

Đối với 02 thước rau xanh 5% của cụ Ba để lại, bà đề nghị chia đều cho những người được hưởng thừa kế của cụ Ba gồm: Ông Lưu Quang Bình, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị X và bà Nguyễn Thị H.

Về việc từ chối tham gia tố tụng của bà Lạc và các con của bà Lạc với ông Nội, bà Hoa cũng đồng ý và xác định những người này không liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Bà Trần Thị Th (tên gọi khác Trần Thị Ánh) và anh Trần Đức H trình bày: Vào khoảng 11h ngày 7/10/2005 tại nhà gác của Ông B, bà B ở Xóm Trại 6, khu phố Đa Hội bà Thịnh cùng với anh Trần Đức H ngồi trông cụ Ba. Bà Thịnh, anh

Hòa nhìn thấy bà Nguyễn Thị Th cầm tờ giấy di chúc viết sẵn đến chỗ cụ Ba, bà Th cầm tay cụ Ba, bôi mực bút bi vào ngón tay cụ, xong bà Th ấn ngón tay cụ dí vào tờ giấy đó 2 lần trong lúc cụ Ba người đang ốm, mệt mỏi, đầu óc không minh mẫn.

Anh Lưu Quang S, anh Lưu Quang V, anh Lưu Quang H và chị Trần Thị H đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không có văn bản ghi ý kiến gửi đến Tòa án.

UBND phường Châu Khê do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Vụ việc tranh chấp đất nông nghiệp giữa bà Nguyễn Thị Th với hộ Bà Phan Thị B xảy ra từ nhiều năm, UBND phường đã hòa giải và giải quyết đơn của bà Th nhiều lần, kết quả giải quyết vụ việc được thể hiện ở Công văn số 08/CV-UBND ngày 21/01/2015; Kết luận số 01/KL-UBND ngày 14/12/2017 và Báo cáo số 35/BC-UBND ngày 14/6/2018 về việc giải quyết đơn của bà Th.

Tiêu chuẩn chia đất nông nghiệp để canh tác gồm lao động chính được chia 1 sào, những người không phải lao động chính thì được 5 thước. Gia đình cụ Ba được chia ruộng lao động chính gồm cụ Ba, bà Th, bà Hoa, bà B, Ông B tổng là 5 sào ruộng, chị H, anh Hùng là con nên được chia mỗi người 5 thước tổng là 10 thước. Bà Th đi lấy chồng nhưng hộ khẩu vẫn ở Đa Hội và được chia ruộng trong gia đình cụ Ba, Ông B, bà B.

Định suất năm 1987: Cầu Doãn 576m²; Chăn nuôi 285m²; Dưới đồng 990m²; Lúa ngoài 495m². Tổng diện tích 2.346m².

Năm 1999, theo yêu cầu của hộ cụ Ba tách ra: Hộ Bà Phan Thị B- Lưu Quang Bình: Cầu Doãn 576m²; Chăn nuôi 285m²; Dưới đồng 990m². Tổng diện tích 1.851m². Hộ ông Lưu Quang H (Hoàn): Lúa ngoài 495m².

Quá trình sử dụng, ngày 03/5/2000 UBND huyện Từ Sơn (nay là thành phố Từ Sơn) đã cấp GCN cho hộ bà B các thửa ruộng gồm: Thửa số 371, tờ bản đồ số 7, diện tích 647m² ở Cầu Doãn; Thửa số 401, tờ bản đồ số 7, diện tích 285m² ở Chăn nuôi (Đồng Lự); Thửa số 328, tờ bản đồ số 7, diện tích 990m² ở Dưới Đồng. Hộ anh Lưu Quang H được cấp GCN đối với thửa ở Đồng Lự Ngoài 480m².

Theo bản đồ năm 2015 và sổ mục kê thì hộ Bà Phan Thị B gồm có các thửa: Thửa số 401, ô số 02, diện tích 285m² ở Đồng Lự; Thửa số 121, diện tích 677m² ở Cầu Doãn; Thửa số 328, ô số 04, diện tích 990m² ở Dưới Đồng; Hộ anh Lưu Quang H: Thửa số 51, diện tích 485m² ở Lự Ngoài. Tổng cộng 2.437m², tương đương 6 sào 8 thước. Như vậy, hộ bà B gồm có Ông B, bà B và 2 người con thì không thể được chia tổng diện tích đất nông nghiệp 6 sào 8 thước mà trong đó có tiêu chuẩn chia ruộng của cụ Ba, bà Th, bà Hoa. Diện tích đất bà Hoa được chia

tiêu chuẩn 1 sào trong hộ bà B nhưng từ trước đến nay bà Hoa không nộp thuế, không canh tác ruộng ở địa phương mà do nhà bà B canh tác và nộp thuế.

Cụ Ba và bà Th trước đây ở cùng với Ông B, bà B nên toàn bộ diện tích đất nông nghiệp được giao chung với hộ Ông B bà B. Ngày 7/10/2005 cụ Đỗ Thị Ba viết giấy ủy quyền cho bà Th 6 thước ruộng rau xanh ở Đồng Giếng và 24 thước ở Cầu Doãn, bà Th đã canh tác từ đó đến nay. Thửa đất số 371 đã được cấp GCN ngày 03/5/2000 tên hộ bà Ngô Thị B. Theo bản đồ địa chính năm 2015, nay là thửa số 121. Thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Ngô Thị B (tức là Phan Thị B). Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà B là không đúng, vì đó là tiêu chuẩn cấp đất của cụ Ba và bà Th.

Hiện tại thửa đất này đã bị thu hồi theo Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND thành phố Từ Sơn để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường Trịnh Xá- Đa Hội, thành phố Từ Sơn (đợt 2) thu hồi 639,7m² đất nông nghiệp của bà Ngô Thị B thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ trích lục số 03, tại xứ Đồng Cầu Doãn, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn. Tại Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 về việc phê duyệt dự án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường Trịnh Xá-Đa Hội, thành phố Từ Sơn theo hình thức hợp đồng xây dựng – chuyển giao (BT) (đợt 2) thì diện tích đất được bồi thường của hộ bà B là 647m² với tổng số tiền bồi thường là 284.033.000 đồng. Số tiền này đang được Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố Từ Sơn thanh toán cho các hộ bị thu hồi. Tòa án giải quyết vụ án, xác nhận diện tích đất nông nghiệp này của bà Th và bà Th được quyền liên hệ Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố Từ Sơn để nhận tiền bồi thường theo quyết định.

Đất rau xanh 5%: Đất rau xanh còn được gọi là đất phần trăm dành cho sản xuất nông nghiệp do HTX giao cho người dân từ trước năm 1982 để làm kinh tế phụ gia đình. Năm 1975 HTX Đa Hội giao cho mỗi người sinh từ năm 1960 trở về trước 02 thước (48m²) rau xanh, với hộ gia đình cụ Ba được giao 6 thước ở Đồng Giếng gồm tiêu chuẩn của cụ Ba, bà Th và bà X; Ông B bà B được giao 4 thước ở vùng Bài. Năm 1987 thực hiện giao ruộng theo khoán gọn, ruộng rau xanh vẫn được duy trì, quyền sử dụng thửa ruộng 6 thước này vẫn là tiêu chuẩn của cụ Ba, bà Th và bà X không có sự thay đổi. Năm 1993 Chính Phủ ban hành Nghị định số 64/CP đã thu hồi toàn bộ đất này giao ổn định lâu dài để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên để tạo điều kiện ổn định vị trí ruộng đất cho nhân dân được thuận lợi trong việc canh tác, đơn vị Đa Hội có chủ trương giữ nguyên hiện trạng, không gây xáo trộn ruộng đất để chia lại cho xã viên nên các hộ gia đình vẫn tiếp tục được sử dụng và canh tác số diện tích đổi.

Thửa ruộng 6 thước tiêu chuẩn được chia cho cụ Ba, bà Th, bà X là đúng, sau khi thay đổi chính sách đất đai năm 1993 vẫn được giữ nguyên chủ sử dụng. Bà Th canh tác thửa ruộng 144m² này liên tục từ năm 2002, sau đó anh Lưu Quang H tự ý xây dựng công trình trên thửa đất và có tranh chấp xảy ra. Việc ông Hùng tự ý xây dựng công trình trên thửa đất là vi phạm và đã được thông báo tháo dỡ nhiều lần nhưng không thực hiện.

Thửa đất này là thửa số 406, tờ bản đồ 07, diện tích 2206m² do UBND xã Châu Khê (nay là phường Châu Khê) quản lý, không được cấp GCN giao ổn định lâu dài theo sổ mục kê quyền số 2 của Giám đốc Sở địa chính tỉnh Bắc Ninh ký ngày 17/10/2000. Theo bản đồ năm 2015 là thửa số 249, tờ bản đồ 05, diện tích 330,2m² do UBND phường Châu Khê quản lý. Diện tích tăng lên là do vẽ nhập 2 thửa làm một.

Đối với diện tích đất 06 thước rau xanh ở Đồng Giếng là tiêu chuẩn của cụ Ba, bà Th, bà X, khi Tòa án giải quyết vụ án căn cứ vào tiêu chuẩn của ai thì người đó được hưởng. Diện tích đất này chỉ để canh tác nông nghiệp, không được xây dựng công trình, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vẫn thuộc quyền quản lý của UBND phường Châu Khê. Vì công việc bận, UBND phường Châu Khê xin được vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa xét xử.

UBND thành phố Từ Sơn do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Quá trình giải quyết vụ án, UBND thành phố Từ Sơn đã cung cấp đầy đủ các hồ sơ, tài liệu, chứng cứ và đã có Văn bản số 498/UBND-NC ngày 29/11/2022 gửi đến Tòa án. Sau khi nhận được Văn bản số 130/2023/CV-TA ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn thì trường hợp trong quá trình xác minh, giải quyết vụ án tranh chấp đất đai, Tòa án xác định GCN số R186378 ngày 03/5/2000 đối với 1.922,0 m² đất nông nghiệp tại thôn Đa Hội, xã Châu Khê (trong đó có thửa đất số 371(6), tờ bản đồ số 7 diện tích 647,0m², mục đích sử dụng Lúa, thời hạn sử dụng: đến tháng 10/2013) cho hộ bà Ngô Thị B ở thôn Đa Hội, xã Châu Khê, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh nay là khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cấp không đúng diện tích đất hoặc không đúng đối tượng sử dụng đất (chủ sử dụng đất) thuộc trường hợp phải thu hồi theo quy định tại điểm d khoản 2, Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, đề nghị Tòa án xem xét, kết luận làm cơ sở để cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3, Điều 106 Luật Đất đai năm 2013.

Thửa đất đang tranh chấp này đã bị thu hồi theo Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND thành phố Từ Sơn để thực hiện dự án đầu tư

xây dựng đường Trịnh Xá- Đa Hội, thành phố Từ Sơn (đợt 2) thu hồi 639,7m² đất nông nghiệp của bà Ngô Thị B thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ trích lục số 03, tại xứ Đồng Cầu Doãn, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn. Tại Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 về việc phê duyệt dự án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường Trịnh Xá-Đa Hội, thành phố Từ Sơn theo hình thức hợp đồng xây dựng – chuyển giao (BT) (đợt 2) thì diện tích đất được bồi thường của hộ bà B là 647m² với tổng số tiền bồi thường là 284.033.000 đồng. Số tiền này đang được Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố Từ Sơn thanh toán cho các hộ bị thu hồi. UBND thành phố Từ Sơn xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên tòa và đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Từ Sơn: Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Từ Sơn đang tổ chức tiến hành chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án ĐTXD đường Trịnh Xá - Đa Hội (đợt 2). Trong quá trình tổ chức chi trả hộ gia đình Bà Phan Thị B (tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là Ngô Thị B) có tranh chấp về quyền sử dụng đất đang được Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn thụ lý giải quyết, Trung tâm phát triển quỹ đất căn cứ Khoản 3, Điều 30, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: “Trường hợp diện tích đất thu hồi đang có tranh chấp về quyền sử dụng đất mà chưa giải quyết xong thì tiền bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất đang tranh chấp đó được chuyển vào Kho bạc Nhà nước chờ sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết xong thì trả cho người có quyền sử dụng đất”. Vì vậy, Trung tâm tạm dừng chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng tại dự án trên cho gia đình Bà Phan Thị B. Sau khi có kết quả đề nghị Tòa án thông báo bằng văn bản để Trung tâm tiến hành chi trả theo quy định.

Từ những nội dung trên bản án sơ thẩm đã căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Các Điều 157, 165, 147, 184, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 115, 155, 158, 166, 579, 623 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 75, 77, 126, 131, 166 Luật đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th.

1.1 Xác nhận thửa đất số 371, diện tích 647m², tờ bản đồ 07 tại xã Châu Khê, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là thửa số 121, diện tích 677,4m², tờ bản đồ số 06 ở Cầu Doãn, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) đã được UBND huyện Từ Sơn (nay là thành phố Từ Sơn) cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất ngày 03/5/2000 cho hộ bà Ngô Thị B (tức Phan Thị B) thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Nguyễn Thị Th. Bà Nguyễn Thị Th được quyền liên hệ với Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Từ Sơn để nhận 284.033.000 đồng tiền bồi thường khi thu hồi đất.

1.2. Xác nhận quyền canh tác đất nông nghiệp đối với diện tích đất 49,85m² ở Đồng Giếng, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh của bà Nguyễn Thị Th theo bản đồ năm 2015 là một phần của thửa số 249, tờ bản đồ 05 do UBND phường Châu Khê quản lý, có các cạnh 10-10' dài 2,05m; cạnh 10-3 dài 24,31m; cạnh 3-3' dài 2,05m; cạnh 3'-10' dài 24,29m. Phần diện tích đất này không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không được xây dựng công trình và mục đích để canh tác nông nghiệp.

Buộc chị Lưu Thị H phải trả cho bà Th 49,85m² đất ở Đồng Giếng, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh theo bản đồ năm 2015 là một phần của thửa số 249, tờ bản đồ 05 do UBND phường Châu Khê quản lý, có các cạnh 10-10' dài 2,05m; cạnh 10-3 dài 24,31m; cạnh 3-3' dài 2,05m; cạnh 3'-10' dài 24,29m. Chị H phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên phần diện tích đất này.

[2] Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th về việc yêu cầu chị Lưu Thị H phải trả lại cho bà Th diện tích đất 02 thước rau xanh tiêu chuẩn của bà Nguyễn Thị X.

[3] Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X.

Xác nhận quyền canh tác đất nông nghiệp đối với diện tích đất 49,85m² ở Đồng Giếng, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh của bà Nguyễn Thị X theo bản đồ năm 2015 là một phần của thửa số 249, tờ bản đồ 05 do UBND phường Châu Khê quản lý, có các cạnh 3'-10' dài 24,29m; cạnh 10'-11 dài 2,15m; cạnh 11-2 dài 24,28m; cạnh 2-3' dài 1,95m. Phần diện tích đất này không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không được xây dựng công trình và mục đích để canh tác nông nghiệp.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà X và chị H về việc tặng cho quyền canh tác diện tích đất nông nghiệp. Chị H được quyền canh tác diện tích đất nông nghiệp do bà X tặng cho 49,85m² đất ở Đồng Giếng, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh theo bản đồ năm 2015 là một phần của thửa số 249, tờ bản đồ 05 do UBND phường Châu Khê quản lý, có các cạnh 3'-10' dài 24,29m; cạnh 10'-11 dài 2,15m; cạnh 11-2 dài 24,28m; cạnh 2-3' dài 1,95m. Chị H phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên phần diện tích đất này.

[4] Bác yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X về việc chia thừa kế đối với 2 thước rau xanh tiêu chuẩn của cụ Ba ở Đồng Giếng, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

[5] Bác toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H về việc chia thừa kế đối với 2 thước rau xanh tiêu chuẩn của cụ Ba ở Đồng Giếng, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh và kiện đòi 1 sào đất nông nghiệp ở Cầu Doãn, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi bản án sơ thẩm xử ngày 26/10/2023, bị đơn là Bà Phan Thị B, chị Lưu Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị X có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn là chị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà X giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 5 Điều 308, khoản 2 Điều 312, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Bà Phan Thị B và bà Nguyễn Thị H;

- Không chấp nhận kháng cáo của chị H và bà X; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 26/10/2023 của TAND thành phố Từ Sơn.

- Về án phí phúc thẩm: Bà X là người cao tuổi nên được miễn án phí. Chị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Bà Phan Thị B, chị Lưu Thị H, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị X nộp trong hạn luật định, đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng nên được xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Bà Phan Thị B, bà Nguyễn Thị H là người kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do coi như từ bỏ kháng cáo của mình, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà B và bà Hoa là phù hợp với quy định tại Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Thừa đất số 371 (nay là thửa số 121) đã được Ủy ban nhân dân huyện Từ Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ngô Thị B (tức Phan Thị B) vào ngày 03/5/2000; thời hạn sử dụng tháng 10 năm 2013. Theo bà Th thì thửa đất này là tiêu chuẩn của bà và mẹ bà là cụ Ba. Sau đó, năm 2000, bà Th làm thủ tục tách sổ hộ khẩu riêng nhưng chưa làm thủ tục tách phần tiêu chuẩn ruộng của bà Th ra khỏi hộ của Ông B và cụ Ba nên gia đình Ông B đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận toàn bộ diện tích đất nông nghiệp của bà và cụ Ba vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình Ông B. Ngày 07/10/2005, cụ Ba có viết giấy ủy quyền cho bà Th được sở hữu toàn phần 06 thước ruộng rau xanh ở khu Đồng Giếng và 24 thước ruộng ở khu cầu Doãn. Do đó, bà Th khởi kiện đề nghị Tòa án Bà Phan Thị B phải trả lại cho bà thửa đất nông nghiệp theo GCN cấp cho hộ bà B là thửa số 371 (nay là thửa số 121, tờ bản đồ số 06, diện tích 677,4m²) ở xứ đồng Cầu Doãn, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Buộc chị Lưu Thị H phải trả lại cho bà 04 thước ruộng rau xanh 5%, ở Đồng Giếng Vùng 1, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (viết tắt là đất ở Đồng Giếng), (nay là 1 phần của thửa số 249, tờ bản đồ số 05, diện tích 330,2m²). Phần diện tích đất của cụ Ba cho bà tiếp giáp gần với 2 thước bà đang sử dụng. Phần diện tích đất còn lại là tiêu chuẩn của bà X. Chị H phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên phần diện tích đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Nguyễn Thị X có yêu cầu độc lập đề nghị chia số tiền đối với phần diện tích đất nông nghiệp ở khu Cầu Doãn cho những người được hưởng thừa kế của cụ Ba và xác nhận diện tích đất nông nghiệp 48,95m² ở Đồng Giếng, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Bắc Ninh là của bà.

Bản án sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị X.

Sau khi bản án sơ thẩm xử, bị đơn là Bà Phan Thị B, chị Lưu Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Nguyễn Thị X, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

* Xét kháng cáo của bị đơn là chị Lưu Thị H Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Thửa đất số 371, tờ bản đồ số 7, diện tích 677,4m² (nay là thửa số 121, tờ bản đồ số 6, diện tích 677,4m²) đã được Ủy ban nhân dân huyện Từ Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Ngô Thị B (tức Phan Thị B). Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do các đương sự giao nộp cũng như do Tòa án cấp sơ thẩm thu thập được thì thấy thửa đất này có nguồn gốc được cấp cho lao động chính mỗi lao động được chia 01 sào còn những ai không phải lao động chính thì được chia 05 thước. Thời điểm chia ruộng thì gia đình cụ Ba có 05 lao động chính là cụ Ba, bà Th, bà Hoa, bà B, Ông B nên gia đình cụ Ba được chia 05 sào ruộng. Còn anh Hùng, chị H là con của Ông B, bà B được chia mỗi người 05 thước. Thời điểm chia ruộng bà Th đi lấy chồng nhưng chưa cắt khẩu nên bà Th vẫn được chia định suất ruộng là 01 sào.

Năm 1999, hộ cụ Ba yêu cầu tách ra thì: Hộ Bà Phan Thị B- Lưu Quang H bao gồm các xứ đồng: Cầu Doãn 576m²; Chăn nuôi 285m²; Dưới đồng 990m². Hộ ông Lưu Quang H (Hoàn): Lúa ngoài 495m².

Như vậy, theo định suất được cấp đất thì hộ Ông B- bà B thời điểm đó chỉ có hai lao động chính là Ông B, bà B cùng hai người con thì chỉ được tổng ba định suất là 2 sào 10 thước ruộng. Trong đó, Ông B, bà B mỗi người được 1 sào, hai con của Ông B, bà B mỗi người được 05 thước mà hiện nay gia đình bà B, Ông B đang sử dụng 6 sào 8 thước đất nông nghiệp. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận diện tích đất nông nghiệp gia đình Ông B, bà B đang sử dụng có định suất của cụ Ba và bà Th cũng như của bà Hoa. Hiện nay, cụ Ba đã chết. Tuy nhiên, khi còn sống vào ngày 07/10/2005 cụ Ba có viết giấy ủy quyền cho bà Th 6 thước ruộng rau xanh ở Đồng Giếng và 24 thước ở Cầu Doãn. Đối với giấy ủy quyền ngày 07/10/2005 của cụ Đỗ Thị Ba này Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Tại nội dung của giấy ủy quyền này cụ Ba đã ủy quyền cho con gái là Nguyễn Thị Th được sở hữu toàn phần không có gì thay đổi số ruộng phần trăm rau xanh là 06 thước ở khu Đồng Giếng và khu Cầu Doãn là 24 thước ruộng. Dưới giấy này cụ ba điểm chỉ hai ngón tay có người làm chứng là bà X và anh Nội ký. Bà B cho rằng ông Nội, bà X không ký vào người làm chứng trong giấy ủy quyền này. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành trưng cầu giám định tại Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bắc Ninh. Tại bản kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bắc Ninh kết luận không đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Văn Nội trên tài liệu cần giám định và chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Văn Nội trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết Trần Văn Nội trên các tài liệu mẫu so sánh có phải do cùng một người ký, viết ra hay không. Còn bà X thì thừa nhận chữ ký của bà tại giấy ủy quyền này. Không những thế bà Đỗ Thị Lạc là vợ ông Nội cũng đã có lời trình bày về việc cụ Ba thường xuyên nói chuyện với bà và các con là cụ Ba có tiêu chuẩn diện tích đất

nông nghiệp và hai thước ruộng rau xanh đã cho bà Nguyễn Thị Th là em cùng mẹ khác cha với ông Nội. Khi cho bà Th, ông Nội, bà Lạc cùng bà X, ông Ba chồng bà X cùng có mặt và chứng kiến. Ông Nội chồng bà cũng ký vào giấy đó. Bà Lạc khẳng định diện tích đất nông nghiệp và diện tích đất rau xanh tiêu chuẩn cụ Ba đã cho bà Th là đúng. Bà B cho rằng cụ Ba lập giấy ủy quyền này trong tình trạng không minh mẫn nhưng bà B không đưa ra được căn cứ nào chứng minh cho lời trình bày của bà là có căn cứ. Hơn nữa, giấy ủy quyền của cụ Ba lập ngày 07/10/2005 này đã được các con của cụ thừa nhận khi giải quyết vụ án tranh chấp thừa kế tài sản giữa bà Th với Ông B. Nên giấy ủy quyền do cụ Ba lập ngày 07/10/2005 có giá trị pháp luật. Hơn nữa, diện tích đất nông nghiệp này bà Th đã canh tác từ đó đến nay. Do đó, diện tích đất này cấp vào cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà B là không đúng quy định của pháp luật nên cần xác định định suất đất nông nghiệp của cụ Ba và bà Th được cấp giấy chứng nhận của hộ gia đình bà B. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà B về việc xác định thửa đất số 371, diện tích 647m², tờ bản đồ 07 tại xã Châu Khê, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là thửa số 121, diện tích 677,4m², tờ bản đồ số 6 ở Cầu Doãn, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Nguyễn Thị Th là đúng quy định của pháp luật.

Đối với diện tích đất 49,85m² ở Đồng Giếng, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thì các đương sự đều xác nhận 06 thước rau xanh ở Đồng Giếng là tiêu chuẩn của cụ Ba, bà Th và bà X. Hiện tại, bà Th đang sử dụng 2 thước là tiêu chuẩn của bà Th. Còn chị H đang sử dụng 04 thước là tiêu chuẩn của cụ Ba và bà X. Trên 04 thước đất này anh Hùng đã xây dựng toàn bộ công trình trên đất nhưng gia đình bà B đã thống nhất giao toàn bộ công trình này cho chị H sử dụng. Việc anh Hùng xây dựng công trình trên diện tích đất này là không đúng quy định và đã nhiều lần có thông báo tháo dỡ nhưng đều không thực hiện. Việc bà Th yêu cầu chị H phải trả lại cho bà 04 thước đất nhưng 04 thước đất mà chị H đang sử dụng chỉ có 02 thước là tiêu chuẩn của cụ Ba nên bà Th chỉ có quyền yêu cầu chị H trả lại 02 thước đất của cụ Ba còn 02 thước đất của bà X bà Th cho rằng bà X đã tặng cho bà Th 02 thước đất này nhưng bà Th không có tài liệu nào chứng minh 02 thước đất này của bà X là bà X đã tặng cho bà Th. Không những thế, tại phiên tòa sơ thẩm bà X đề nghị xác định 02 thước đất này là của bà được chia và bà X tặng cho chị H nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Th về việc buộc chị H trả cho bà 02 thước đất rau xanh tiêu chuẩn của bà X là đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, có thể thấy chị H kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ nên cần bác toàn bộ kháng cáo của chị H.

* Xét kháng cáo của bà X Hội đồng xét xử thấy: Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm bà X đề nghị chia thừa kế đối với 02 thửa ruộng rau xanh của cụ Ba ở Đồng Giếng. Như đã phân tích ở trên giấy ủy quyền ngày 07/10/2005 của cụ Đỗ Thị Ba lập có giá trị pháp luật đã xác định bà Th được sử dụng 674m² đất nông nghiệp ở Cầu Doãn khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh và 49,85m² ở Đồng Giếng, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh nên cần xác định di sản thừa kế của cụ Ba đã được cụ Ba định đoạt trước khi chết. Do đó, không có căn cứ xác định 49,85m² ở Đồng Giếng, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh là di sản thừa kế. Do đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà X là đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên có thể thấy bản án sơ thẩm xử là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên cần bác toàn bộ kháng cáo của chị H và bà X giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

Bà B, bà Hoa, bà X được miễn án phí dân sự phúc thẩm do là người cao tuổi.

Chị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 5 Điều 308, khoản 2 Điều 312, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Các Điều 157, 165, 147, 184, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 115, 155, 158, 166, 579, 623 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 75, 77, 126, 131, 166 Luật đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] . Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Bà Phan Thị B và bà Nguyễn Thị H.

[2]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th.

2.1. Xác nhận thửa đất số 371, diện tích 647m², tờ bản đồ 07 tại xã Châu Khê, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là thửa số 121, diện tích 677,4m², tờ bản đồ số 06 ở Cầu Doãn, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) đã được UBND huyện Từ Sơn (nay là thành phố Từ Sơn) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/5/2000 cho hộ bà Ngô Thị B (tức Phan Thị B)

thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Nguyễn Thị Th. Bà Nguyễn Thị Th được quyền liên hệ với Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Từ Sơn để nhận 284.033.000 đồng tiền bồi thường khi thu hồi đất.

2.2. Xác nhận quyền canh tác đất nông nghiệp đối với diện tích đất 49,85m² ở Đồng Giếng, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh của bà Nguyễn Thị Th theo bản đồ năm 2015 là một phần của thửa số 249, tờ bản đồ 05 do UBND phường Châu Khê quản lý, có các cạnh 10-10' dài 2,05m; cạnh 10-3 dài 24,31m; cạnh 3-3' dài 2,05m; cạnh 3'-10' dài 24,29m. Phần diện tích đất này không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không được xây dựng công trình và mục đích để canh tác nông nghiệp.

Buộc chị Lưu Thị H phải trả cho bà Th 49,85m² đất ở Đồng Giếng, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh theo bản đồ năm 2015 là một phần của thửa số 249, tờ bản đồ 05 do UBND phường Châu Khê quản lý, có các cạnh 10-10' dài 2,05m; cạnh 10-3 dài 24,31m; cạnh 3-3' dài 2,05m; cạnh 3'-10' dài 24,29m. Chị H phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên phần diện tích đất này. (Có sơ đồ kèm theo)

[3]. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th về việc yêu cầu chị Lưu Thị H phải trả lại cho bà Th diện tích đất 02 thước rau xanh tiêu chuẩn của bà Nguyễn Thị X.

[4] Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X.

Xác nhận quyền canh tác đất nông nghiệp đối với diện tích đất 49,85m² ở Đồng Giếng, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh của bà Nguyễn Thị X theo bản đồ năm 2015 là một phần của thửa số 249, tờ bản đồ 05 do UBND phường Châu Khê quản lý, có các cạnh 3'-10' dài 24,29m; cạnh 10'-11 dài 2,15m; cạnh 11-2 dài 24,28m; cạnh 2-3' dài 1,95m. Phần diện tích đất này không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không được xây dựng công trình và mục đích để canh tác nông nghiệp.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà X và chị H về việc tặng cho quyền canh tác diện tích đất nông nghiệp. Chị H được quyền canh tác diện tích đất nông nghiệp do bà X tặng cho 49,85m² đất ở Đồng Giếng, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh theo bản đồ năm 2015 là một phần của thửa số 249, tờ bản đồ 05 do UBND phường Châu Khê quản lý, có các cạnh 3'-10' dài 24,29m; cạnh 10'-11 dài 2,15m; cạnh 11-2 dài 24,28m; cạnh 2-3' dài 1,95m. Chị H phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên phần diện tích đất này. (Có sơ đồ kèm theo)

[5]. Bác yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X về việc chia thừa kế đối với 2 thớt rau xanh tiêu chuẩn của cụ Ba ở Đồng Giếng, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

[6]. Bác toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H về việc chia thừa kế đối với 2 thớt rau xanh tiêu chuẩn của cụ Ba ở Đồng Giếng, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh và kiện đòi 1 sào đất nông nghiệp ở Cầu Doãn, khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

[7]. Án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà B, bà Hoa, bà X, bà Th.

Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003529 ngày 07/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND TP Từ Sơn;
- Chi cục THADS TP Từ Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Nam